

**Phụ lục 1.**  
**MỤC TIÊU CỤ THỂ TỪNG NĂM TRONG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /.../2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Nội dung	Đơn vị (%)	Giai đoạn 2026 - 2030				
			2026	2027	2028	2029	2030
<b>1</b>	<b>Công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục</b>						
1.1	Công tác xóa mù chữ						
	- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25: biết chữ mức độ 1	%	100	100	100	100	100
	- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25: biết chữ mức độ 2	%	99,95	99,96	99,97	99,98	99,99
	- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35: biết chữ mức độ 1	%	99,64	99,65	99,66	99,67	99,68
	- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35: biết chữ mức độ 2	%	99,22	99,23	99,24	99,25	99,26
	- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60: biết chữ mức độ 1	%	98,73	98,78	99,83	99,88	98,93
	- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60: biết chữ mức độ 2	%	95,70	95,75	95,80	95,85	95,90
	- Số xã, phường đạt chuẩn XMC mức độ 1	%	100	100	100	100	100
	- Số xã, phường đạt chuẩn XMC mức độ 2	%	100	100	100	100	100
1.2	Công tác phổ cập giáo dục						
	- Số xã, phường đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi	%	100	100	100	100	100
	- Số xã, phường đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 1	%	100	100	100	100	100
	- Số xã, phường đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2	%	100	100	100	100	100
	- Số xã, phường đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3	%	100	100	100	100	100
	- Số xã, phường đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 1	%	100	100	100	100	100
	- Số xã, phường đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 2	%	100	100	100	100	100
	- Số xã, phường đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở mức độ 3	%	100	100	100	100	100
- Phân đầu tỉnh đạt chuẩn PCGD mầm non trẻ từ 3 đến 5 tuổi.	%	18,00	37,00	63,00	89,00	100	
<b>2</b>	<b>Về năng lực cơ bản và trình độ của người dân</b>						
2.1	Số người trong độ tuổi lao động được trang bị năng lực thông tin.	%	66,30	67,10	68,05	69,03	70,00

2.2	Số người trong độ tuổi lao động được trang bị kỹ năng sống.	%	62,10	64,00	66,80	68,03	70,00
2.3	Số từ 15 tuổi trở lên được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật. Trong đó, dân số có trình độ đại học trở lên.	% %	60,00 11,00	61,00 12,00	62,00 13,00	63,00 14,00	64,00 15,00
<b>3</b>	<b>VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC, CƠ SỞ GDNN</b>						
3.1	Cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở GDNN, GDTX và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.	%	60,00	60,50	70,00	75,00	80,00
3.2	Trung tâm HTCĐ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục.	%	70,00	70,50	80,00	85,00	90,00
3.3	Phân đầu trường đại học triển khai xây dựng học liệu số.	Đạt					Đạt
<b>4</b>	<b>XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH HỌC TẬP TRONG XÃ HỘI</b>						
4.1	Công dân đạt danh hiệu công dân học tập.	%	42,60	48,90	52,00	56,50	60,00
4.2	Phấn đầu tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập theo các tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	Đạt					Đạt